CHỦ ĐỀ: TRUYỆN THƠ (DÂN GIAN – NÔM BÌNH DÂN – NÔM BÁC HỌC)

ĐỀ LUYỆN SỐ 1

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

KHUN LÚA – NÁNG ỦA

(CHÀNG LÚA – NÀNG ỦA)

(Truyện thơ dân tộc Thái)

(Trích)

Nàng rời chàng buồn đau theo mẹ

Đường về quê vắng vẻ quạnh buồn

Vời trông nào thấy người thương

240-Trời âm thầm tỏa màn sương mịt mùng

Vào cánh rừng trông chừng xa khuất

Nàng như cuồng ngã vật nằm queo

Bà Nàng cuống sợ nhào theo

Ôm con nhớn nhác giữa đèo nhờ ai ?

245-Nhờ chim Én cánh dài tìm Lú

Kể ngọn ngành, Chàng sợ đi ngay

Đây rồi Chàng gọi, Chàng lay

-Hỡi ôi, Vía Ủa có hay chăng về

Anh đây mà, dậy đi Em hỡi

250-Ngượi vợ yêu anh đợi anh mong

"Hà hơi" Chàng bế Chàng bồng

Giật mình choàng tỉnh Nàng bừng cơn mê

-Anh yêu quí , chết đi cho khuất

Sống chia lìa, lay lắt anh ơi !

255-Van Nàng, Mẹ mới nên lời :

-Sợ Cha bắt "chém" cả đôi chẳng nề !

Khun Lú mới vỗ về Nàng Ủa :

Gắng hãy về chớ quá buồn đau

Mặc cho kẻ lượn bên rào

260-Có trời chứng giám ta nào phụ nhau !

Nàng về những âu sầu buồn bã

Nước mắt thì lã chã kêu gào

Người Cha sôi giận tuôn trào

- Hễ mày còn bướng thì tao chặt đầu!

265 - Vừa lúc Tạo thăm Dâu đã đến

Mẹ mắng con, im ỉm trong buồng

Nàng Ủa xinh đẹp ngậm buồn

Khóc thương Chàng Lú chẳng còn thiết chi.

(Bản diễn Nôm "Khun Lú – Náng Ủa" của Nguyễn Khôi dài 452 câu thơ đã được Nhà xuất bản Văn Hóa Dân Tộc in và phát hành 1100 cuốn, tại Hà Nội tháng 9 - 1997)

Chú thích:

*(**Tóm tắt tác phẩm**: Tích truyện cổ Chàng Lú – nàng Ủa có ở các dân tộc Kháng (Xá), Khơ Mú, Thái,... Chàng Lú và nàng Ủa yêu nhau tha thiết từ nhỏ. Lớn lên, Ủa bị cha mẹ ép gả cho một tù trưởng có thế lực. Cả hai cùng tự vẫn, kiện lên đến Trời. Nhưng chính Trời lại là người chủ mưu trong mọi chuyện. Họ bị đày thành hai ngôi sao (sao Khun Lú và sao Nàng Ủa), mỗi ngôi sao đứng một góc trời, mãi mãi trông đợi nhau mà không được gần nhau.*

***Tích khác:** Câu chuyện duyên trời, tình đất thiếu đạo lý, chia lìa đôi lứa vì ép duyên, nên họ rủ nhau quyên sinh (chết) lên Mường Trời, mong được xum họp; nào ngờ Then (Trời) háo sắc lại tranh Vợ lấy làm tỳ thiếp, nạt Chồng làm oan hồn lẩn khuất trong không gian; chưa thôi, Then (Trời) lại bắt họ trở thành 2 ngôi sao Khun Lú – Náng Ủa (Sao Hôm- Sao Mai) chỉ cho nhìn nhau mà không được gặp.*

***Đoạn trích:** Lú - Ủa không thể đến được với nhau và tâm trạng của nàng Ủa đang theo mẹ về nhà)*

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đặc điểm của truyện thơ trong văn bản trên là:

A. Có sự việc, cốt truyện, được kể bằng văn vần

B. Có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng văn vần

C. Có sự việc, cốt truyện và được kể bằng ngôi thứ ba

D. Có sự việc, cốt truyện và có lời đối thoại

Câu 2. Tâm trạng của cô gái được thể hiện trong đoạn truyện thơ trên là:

A. Buồn đau khổ sở, âu sầu, nước mắt lã chã rơi khi không thể ở bên cạnh người mình yêu

B. Nhẹ nhõm như trút được gánh nặng lấy chàng trai nghèo khó

C. Suy nghĩ về tương lai của chính mình

D. Gào khóc thảm thiết, mong muốn ở bên người mình yêu

Câu 3. Đoạn thoại sau thể hiện nội dung gì:

Giật mình choàng tỉnh Nàng bừng cơn mê

- *Anh yêu quí, chết đi cho khuất*

Sống chia lìa, lay lắt anh ơi!

A. Nàng Ủa mong chàng Lú quên mình đi

B. Nàng Ủa quyết định tìm tới cái chết để bảo vệ tình yêu của hai người

C. Nàng Ủa gửi lời tới chàng Lú thà rằng mình chết đi còn phải chịu cảnh sống chia lìa, lay lắt

D. Nàng Ủa không còn cách nào khác ngoài việc tìm đến cái chết để chứng minh tình yêu

Câu 4. Người cha thể hiện sự ngăn cấm quyết liệt cuộc hôn nhân của Nàng Ủa Chàng Lú như thế nào?

A. Người cha quyết từ mặt con

B. Người cha dọa sẽ chặt đầu nếu không nghe lời

C. Người cha sẽ bỏ nhà ra đi

D. Người cha sẽ giết chàng Lú

Câu 5. Tâm trạng của chàng trai thể hiện qua câu thơ sau là gì?

- *Hỡi ôi, Vía Ủa có hay chăng về*

Anh đây mà, dậy đi Em hỡi

250 - Ngượi vợ yêu anh đợi anh mong

"Hà hơi" Chàng bế Chàng bồng

A. Thất vọng vì sự dại dột của nàng Ủa

B. Lo lắng sợ rằng nàng Ủa không bao giờ tỉnh lại

C. Hoảng loạn, lo sợ vì nghĩ mình đã khiến nàng Ủa bất tỉnh

D. Xót xa, lo lắng, đầy yêu thương gọi nàng Ủa tỉnh dậy

Câu 6. Những hành động trong đoạn thơ cho thấy được tình cảm của chàng Lú dành cho nàng Ủa là:

A. Sợ đi tìm ngay, chàng gọi, chàng lay, vỗ về nàng, khuyên nhủ nàng chớ quá buồn đau

B. Sợ đi tìm ngay, vỗ về nàng, khuyên nhủ nàng và cùng nàng về xin phép gia đình một lần nữa

C. Vỗ về nàng, chăm sóc nàng tận tình khi nàng bị ngất đi

D. Vỗ về, khuyên nhủ và an ủi nàng, hẹn gặp lại nàng duyên ở kiếp sau

Câu 7. Theo kết cấu của truyện thơ dân gian, đoạn trích trên nằm ở phần nào?

A. Gặp gỡ, yêu nhau và kết duyên

B. Bị gia đình ngăn cấm, đôi lứa chia lìa

C. Trải qua nhiều khó khăn, trắc trở

D. Đoàn tụ, sum vầy

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Cảm nhận của em về tâm trạng của nàng Ủa qua đoạn thơ

Nàng rời chàng buồn đau theo mẹ

Đường về quê vắng vẻ quạnh buồn

Vời trông nào thấy người thương

.....

Nàng như cuồng ngã vật nằm queo

....

Nàng về những âu sầu buồn bã

Nước mắt thì lã chã kêu gào

Người Cha sôi giận tuôn trào

- Hễ mày còn bướng thì tao chặt đầu!

265 - Vừa lúc Tạo thăm Dâu đã đến

Mẹ mắng con, im ỉm trong buồng

Nàng Ủa xinh đẹp ngậm buồn

Khóc thương Chàng Lú chẳng còn thiết chi.

Câu 9. Mặc dù cũng đau đớn buồn khổ như nàng Ủa nhưng chàng Lú vẫn khuyên nàng Ủa trở về và đừng quá buồn đau. Theo em, vì sao lại như vậy?

Câu 10. Bằng đoạn văn khoảng 10 câu, em hãy phân tích và cảm nhận tình cảm của chàng Lú và nàng Ủa trong đoạn trích trên.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy từ nội dung đoạn trích trên, em hãy bàn luận về: Ý nghĩa của một tình yêu son sắt, thủy chung đối với mỗi người

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	C	0.5
	4	B	0.5
	5	D	0.5
	6	A	0.5
	7	B	0.5
	8	HS trình bày được - Tâm trạng buồn khổ, đau đớn của cô gái khi không thể ở bên người mình	0.5

		yêu - Liệt kê một số biểu hiện: *Đường về quê vắng vẻ quạnh buồn* *Vời trông nào thấy người thương* *Nàng về những âu sầu buồn bã* *Nước mắt thì lã chã kêu gào* *Nàng Ủa xinh đẹp ngậm buồn* *Khóc thương Chàng Lú chẳng còn thiết chi.*	
	9	HS trình bày các lí do tuy nhiên có thể nhắc đến lí do: Chàng Lú không muốn làm khó người mình yêu, khuyên nàng về để tránh cho cha nàng tức giận, dù có thể nào thì vẫn luôn yêu và hết lòng thủy chung với nàng Ủa	1.0
	10	HS nêu được cảm nhận về tình cảm son sắt, bền chặt của Nàng Ủa – Chàng Lú + Đau đớn, sầu khổ, khóc nước mắt lã chã khi chẳng thể cạnh người mình yêu + Chàng Lú đau đớn, có những cử chi quan tâm, chăm sóc nàng Ủa, khuyên nhủ nàng, không để nàng khó xử + Khẳng định tình yêu đôi lứa có trời đất chứng giám +…	1.0
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận bàn về một vấn đề được rút ra từ tác phẩm văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của một tình yêu son sắt, thủy chung đối với mỗi người	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được về tác phẩm, tiến hành phân tích giá trị về nghệ thuật và giá trị về nội dung	2.5

		Sau đây là một hướng gợi ý: **- Giới thiệu chung về tác phẩm** **- Chỉ ra nội dung chính của đoạn trích và chi tiết thể hiện được vấn đề được bàn luận:** Tình yêu son sắt thủy chung của nàng Ủa – chàng Lú **+ Bàn luận về vấn đề:** • **Định nghĩa:** Chung thủy nghĩa là sự son sắc một lòng trong mọi hoàn cảnh, dù gặp nhiều khó khăn, thử thách hay đươc sống hạnh phúc ta vẫn không thay lòng đổi dạ. • **Giá trị của lòng thủy chung, son sắt với mỗi người (biểu hiện – chứng minh):** Nó chính là chất keo gắn dính con người lại với nhau. Như trong mối quan hệ vợ chồng lòng chung thủy sẽ giúp gia đình bạn hạnh phúc. Trong tình bạn nếu có lòng thủy chung thì chắc hẳn tình bạn sẽ được kéo dài và bền vững hơn bao giờ hết. Con người muốn có muốn quan hệ lâu bền thì phải dùng trái tim để đối đáp với nhau**.** Lòng chung thủy chính là một thước đo của phẩm chất. Một con người có lòng chung thủy sẽ được mọi người xung quanh yêu mến và kính trọng. • **Liên hệ bản thân**	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN THƠ (DÂN GIAN – NÔM BÌNH DÂN – NÔM BÁC HỌC)

ĐỀ LUYỆN SỐ 2

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

PHẠM CÔNG – CÚC HOA

(Truyện thơ Nôm khuyết danh)

(Trích)

(165) Phạm Công thưa với mẹ già:

"Con đi kiếm củi phương xa phen này

Cố làm lấy một tuần chay

Cho cha siêu độ lên mây chầu trời

Dù phải kiếm củi suốt đời

(170) Con đây cũng chẳng sợ ai chê cười"

Mẹ rằng: "Đừng thế con ơi

Kiếm củi thì lại suốt đời cháo rau"

Phạm Công nước mắt tuôn sầu:

"Làm trai là phải dãi dầu xông pha

(175) Chứ ai sinh đẻ con ra

Bây giờ lụy đến mẹ già hổ ngươi

Nuôi con ngần ấy năm trời

Mẹ cha phải chịu một đời long đong

Công cha nghĩa mẹ ghi lòng

(180) Làm sao trả đặng ơn cùng tổ tiên"

Cơm nắm chỉ có mấy viên

Lưng đeo bầu nước tìm miền làm ăn

Đói lòng áo rách che thân

Đưa tay dắt mẹ dời chân lên đường.

(185) Bốn ngày rong ruổi dặm trường

Giữa trưa nắng gắt định dừng gốc đa

Mẹ con gặp một cụ già

Phơ phơ đầu bạc nước da đồi mồi

Phạm Công trông thấy ngùi ngùi:

(190) "Xin ông thư thả ta ngồi nghỉ ngơi"

Nghe thôi ông cụ mừng vui:

"Ba ngày chịu đói không người đoái thương

May thay có bậu qua đường

Hãy xin bớt miệng sẻ nhường cho ta

(195) Phạm Công nghe nói xót xa

Sẵn lưng cơm nắm mở ra tức thì

Miệng cười: "Ông hãy ăn đi

Giữa trưa ông có việc gì ra đây"

Cụ già thong thả giãi bày:

(200) "Hiếm hoi sinh được mụn trai đầu lòng

Thỏa niềm rày ước mai mong

Tìm thầy cho học, theo vòng nghĩa nhân

Theo thầy vừa được ba xuân

Về nhà cưới vợ thành thân vuông tròn

(205) Gia tài phá sạch chẳng còn

Hôm mai khốn đốn vì con vung tiền

Những tin con thảo dâu hiền

Ai ngờ hết của chúng liền đuổi đi

Dầu con sỉ nhục ê chề

(210) Cực lòng lão phải tính bề tha phương"

Phạm Công nước mắt rưng rưng:

"Công cha nghĩa mẹ như rừng như non

Thấy người con tưởng thân con

Chuyện người thảm thiết héo hon lòng này

(215) Thôi còn ba nắm cơm đây

Xin ông cầm lấy đường dài dùng qua

Ví dù con có lỡ ra

Con xin nơi khác mẹ già cũng no

Cụ già nghe nói nhỏ to:

(220) "Ơn chàng tốt bụng mà cho như vậy

Lòng chàng nhân hậu khôn tày

Cho nên lão lấy cơm này một viên"

Dứt lời cơm vẫn còn nguyên

Lão ông thôi đã biến liền vời xa

(225) Chẳng ngờ là Phật Di Đà

Thoắt về tâu với vua cha Ngọc hoàng

Cùng quan văn võ hai hàng:

"Chẳng ai ân nghĩa bằng chàng Phạm Công"

Tiếng đồn đã đến cửu trùng

(230) Lại còn vang tới thủy cung động đình.

Ngọc hoàng muốn thấu sự tình

Truyền đòi tiên nữ đăng trình viễn phương

Tiên nữ vâng lệnh lên đường

Xuống xem lòng dạ cõi dương thế nào

(Cổ văn Việt Nam, Internet: wordpress.com)

Chú thích:

*(**Tóm tắt tác phẩm**: Phạm Công là chàng trai con nhà nghèo, phải đi làm công để nuôi bố mẹ. Cha chết, Phạm Công phải đi ăn mày để tiếp tục phụng dưỡng mẹ đến khi mẹ chết. Là người hiếu học, Phạm Công xin thụ giáo Quỷ cốc tiên sinh. Ở đây, Phạm Công được Cúc Hoa là bạn đồng môn, cũng là con gái của tri phủ, yêu thương. Hai người cưới nhau, khi Cúc Hoa có thai thì Phạm Công lên kinh thành ứng thí. Phạm Công đã gặp nhiều gian truân khổ ải, bị quốc vương các nước khác ép gả công chúa nhưng Phạm Công đều từ chối. Nhưng nhờ công chúa nước Triệu nhân hậu, Phạm Công được trở về quê hương làm nguyên soái, đoàn tụ cùng Cúc Hoa, họ có hai con là Nghi Xuân (con gái) và Tấn Lực (con trai). Cúc Hoa lại không may qua đời ở tuổi 30. Phạm Công tái giá với Tào Thị và phải lên Cao Bằng làm trấn thủ. Tào Thị ở nhà ngoại tình, hành hạ, ngược đãi Nghi Xuân và Tấn Lực. Cao điểm, thị cùng người tình bàn mưu giết hại hai con chồng, khiến hai đứa phải trốn khỏi nhà đi ăn xin.*

Trong một đêm, Cúc Hoa từ cõi âm ti hiện về gặp hai con và gửi thư tin cho Phạm Công biết. Sau ba năm trấn thủ, Phạm Công trở về đuổi Tào Thị đi. Tào Thị sau đó bị sét đánh chết. Được công chúa Xuân Dung nước Trịnh, Tề Thiên Đại Thánh và Diêm Vương giúp đỡ, Phạm Công xuống được âm ti và tìm được vợ. Cúc Hoa được tái sinh, trở lại dương thế, "vu quy" với Phạm Công. Phạm Công cũng được vua Trịnh gả công chúa Xuân Dung và nhường ngôi vua cho..

***Đoạn trích**: Nằm ở phần đầu tác phẩm)*

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đoạn trích truyện thơ trên nói về sự việc gì?

A. Phạm Công quyết lên núi kiếm củi để trang trải cuộc sống cùng đưa mẹ già đi theo, giúp đỡ một ông lão chính là Phật Di Đà, sau đó được tiếng tốt vang xa cả thiên đình.

B. Phạm Công quyết đi thi để thay đổi cuộc đời, số phận cho cha mẹ già, giúp đỡ một ông lão chính là Phật Di Đà, sau đó được tiếng tốt vang xa cả thiên đình.

C. Phạm Công quyết lên núi kiếm củi để trang trải cuộc sống cùng đưa mẹ già đi theo, tình cờ giúp đỡ được nhà vua, tiếng thơm vang xa cả triều đình.

D. Phạm Công quyết đi thi để thay đổi cuộc đời, số phận cho cha mẹ già, tình cờ giúp đỡ được nhà vua, tiếng thơm vang xa cả triều đình.

Câu 2. Các nhân vật được nhắc đến và xuất hiện trong đoạn truyện là:

A. Phạm Công, người mẹ, ông lão già nghèo khổ, Ngọc Hoàng

B. Phạm Công, người mẹ, ông lão già nghèo khổ chính là phật Di Đà, Ngọc Hoàng

C. Phạm Công và cha mẹ

D. Phạm Công, ông lão già nghèo khổ chính là phật Di Đà, Ngọc Hoàng

Câu 3. Đoạn thoại sau là lời của ai nói với ai, về vấn đề gì?

Chứ ai sinh đẻ con ra

Bây giờ lụy đến mẹ già hổ ngươi

Nuôi con ngần ấy năm trời

Mẹ cha phải chịu một đời long đong

Công cha nghĩa mẹ ghi lòng

Làm sao trả đặng ơn cùng tổ tiên

A. Phạm Công nói với người lão già về công ơn cha mẹ

B. Phạm Công nói với người mẹ về công ơn cha mẹ

C. Phạm Công nói với người cha về công ơn cha mẹ

D. Phạm Công nói với cha mẹ về công ơn cha mẹ

Câu 4. Hoàn cảnh khốn khó của ông lão kể với Phạm Công là gì?

A. Ông lão không gia đình, không nơi nương tựa vì mồ côi từ nhỏ, phải vất vả mưu sinh đến già

B. Ông lão không gia đình, không nơi nương tựa vì bị lừa bán hết sạch của cải trong nhà.

C. Ông lão có một con trai nhưng vì con ăn chơi nên đã bán hết của cải, người con dâu cùng con trai đuổi ông ra khỏi nhà.

D. Ông lão có một con trai nhưng con trai mất sớm, người con dâu chiếm của cải và đuổi ông lão đi

Câu 5. Vì sao Phạm Công lại quyết đưa một ít cơm nắm cho ông lão

A. Vì chàng là người thơm thảo, có lòng thương người, muốn chia sẻ miếng ăn với ông lão khốn khổ

B. Vì chàng có rất nhiều cơm nắm việc san sẻ đó không ảnh hưởng gì

C. Vì chàng biết ông lão là Phật Di Đà nên muốn lấy lòng

D. Vì chàng biết ông lão giàu có, giúp đỡ ông lão sẽ được đền đáp.

Câu 6. Yếu tố nào của truyện thơ Nôm được thể hiện nhiều hơn cả trong đoạn trích trên

A. Yếu tố trữ tình

B. Yếu tố tự sự

C. Yếu tố miêu tả

D. Yếu tố biểu cảm

Câu 7. Qua đoạn trích trên, Phạm Công hiện lên là người như thế nào?

A. Người con có hiếu, có lòng chung thủy

B. Người con có hiếu, nhưng lại biết lợi dụng người khác để trục lợi cho bản thân

C. Người có lòng yêu thương, ân nghĩa, có lòng hiếu thảo

D. Người ăn chơi, bất hiếu, không có lòng thủy chung

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Cảm nhận của em về nhân vật Phạm Công qua đoạn thơ:

Dù phải kiếm củi suốt đời

(170) Con đây cũng chẳng sợ ai chê cười"

Mẹ rằng: "Đừng thế con ơi

Kiếm củi thì lại suốt đời cháo rau"

Phạm Công nước mắt tuôn sầu:

"Làm trai là phải dãi dầu xông pha

(175) Chứ ai sinh đẻ con ra

Bây giờ lụy đến mẹ già hổ ngươi

Nuôi con ngần ấy năm trời

Mẹ cha phải chịu một đời long đong

Công cha nghĩa mẹ ghi lòng

(180) Làm sao trả đặng ơn cùng tổ tiên"

Câu 9. Theo em văn bản trên có những chủ đề nào? Hãy xác định chủ đề chính và ít nhất một chủ đề phụ của văn bản

Câu 10. Em hiểu thế nào về câu nói của Phạm Công: *Làm trai là phải dãi dầu xông pha*. Viết đoạn văn khoảng 7 – 10 câu trình bày quan điểm của em về *chí làm trai* trong xã hội phong kiến xưa.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Vì có lòng tốt bụng, ân nghĩa mà Phạm Công đã được cứu giúp và có cuộc sống hạnh phúc về sau. Bằng bài viết khoảng 2/3 trang giấy thi, em hãy bàn luận về vấn đề: *Lòng tốt kiên định có thể làm được nhiều điều. Như mặt trời làm băng tan chảy, lòng tốt khiến sự hiểu nhầm, sự nghi ngờ và thù địch bốc hơi*. (Albert Schweitzer)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	A	0.5
	2	B	0.5
	3	B	0.5
	4	C	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	C	0.5
	8	HS chỉ ra được một số phẩm chất của Phạm Công qua đoạn thơ - Người có ý chí (chí làm trai) quyết tâm thay đổi cuộc đời, số phận - Người có lòng hiếu thảo quyết tâm đền báo công ơn của cha mẹ già	0.5

	9	HS có thể nêu nêu chủ đề chính và phụ, gợi ý như sau: - **Chủ đề chính**: Đề cao, ca ngợi phẩm chất cao đẹp của con người chính nghĩa - **Chủ đề phụ**: + Tình yêu thương của mẹ (mẹ lo lắng Phạm Công vất vả) + Phê phán sự bất hiếu, vô đạo của những kẻ ăn chơi, không lo lắng cho cha mẹ già (Câu chuyện của ông lão khốn khổ khi gặp hai mẹ con Phạm Công) …	1.0
	10	HS trình bày các lí lẽ và bằng chứng để bàn luận về: Chí làm trai trong thời kì phong kiến xưa. **a. Khái quát vấn đề**: Người đàn ông phải có ý chí, quyết tâm học tập, lao động để thay đổi số phận và có cuộc sống để lại tiếng thơm muôn đời **b. Biểu hiện cụ thể qua hiểu biết và các tác phẩm đã học** - Đánh giặc, cứu nước - Học hành, thi cử thành tài giúp đời giúp nước - Đi làm ăn xa để thay đổi cuộc sống của chính mình **c. Liên hệ với ý chí làm trai ngày nay của thế hệ trẻ**	1.0
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một vấn đề xã hội được rút ra từ tác phẩm văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận *Phân tích và đánh giá:* Một vấn đề xã hội được rút ra từ tác phẩm văn học: Bàn về lòng tốt	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được về tác phẩm, tiến hành bàn luận về lòng tốt qua câu danh ngôn: *Lòng tốt kiên định có thể làm được nhiều điều. Như mặt trời làm băng tan chảy, lòng*	2.5

		tốt khiến sự hiểu nhầm, sự nghi ngờ và thù địch bốc hơi. *Sau đây là một hướng gợi ý:* **- Giới thiệu chung về tác phẩm và nhân vật Phạm Công, tóm tắt phần đầu tác phẩm, đưa ra vấn đề được đặt ra ở phần đầu tác phẩm** **- Phân tích câu danh ngôn:** *Lòng tốt kiên định có thể làm được nhiều điều. Như mặt trời làm băng tan chảy, lòng tốt khiến sự hiểu nhầm, sự nghi ngờ và thù địch bốc hơi.* + **Giải thích:** "lòng tốt": sự lương thiện, phẩm chất tốt đẹp của con người, luôn hướng đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, sẵn sàng sẻ chia với người khác. + **Phân tích**: ● Trong xã hội có rất nhiều mảnh đời chịu bất hạnh, đau thương, khổ cực, việc chúng ta yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ những người đó làm xoa dịu, giảm bớt nỗi đau của họ, xã hội cũng sẽ phát triển đẹp đẽ, vững mạnh hơn. ● Khi giúp đỡ người khác, ta sẽ nhận lại sự kính trọng, niềm tin yêu của người khác và cả sự sẵn sàng giúp đỡ lại mình lúc mình gặp khó khăn. ● Mỗi người biết chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ người khác sẽ góp phần làm cho xã hội này giàu tình cảm hơn, phát triển văn minh hơn. + **Chứng minh:** HS lấy ví dụ để chứng minh + **Phản biện:** Trong xã hội vẫn có không ít người có tính ích kỉ, nhỏ nhen, chỉ biết đến bản thân mình mà không cần suy nghĩ cho người khác, lại có những người vô cảm mặc kệ nỗi đau của đồng loại,… → những người này cần bị phê phán, chỉ trích. **- Liên hệ bản thân**	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25

		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN THƠ (DÂN GIAN – NÔM BÌNH DÂN – NÔM BÁC HỌC)

ĐỀ LUYỆN SỐ 3

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TỐNG TRÂN – CÚC HOA

(Truyện thơ Nôm khuyết danh)

(Trích)

Mẹ chồng thấy dâu thảo hiền

Đôi hàng nước mắt chảy liền như tuôn.

Khó nghèo có mẹ có con,

Ít nhiều gan sẻ [1] vẹn tròn cho nhau

Lòng con nhường nhịn bấy lâu

Mẹ ăn cơm ấy ngon đâu hỡi nàng

Cúc Hoa nước mắt hai hàng:

"Lạy mẹ cùng chàng chở quản [2] tôi

Gọi là cơm tấm cạnh lê [3]

Mẹ ăn đỡ dạ kẻo khi võ vàng [4]

Chàng ăn cho sống mình chàng,

Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là.

Kể chi phận thiếp đàn bà,

Khó nghèo chớ quản nỗi nhà thảm thương".

Thương con mẹ giấu cho vàng,

Bảo rằng gìn giữ để nương tựa mình.

Cúc Hoa trong dạ đinh ninh:

"Lạy mẹ còn có chút tình thương con".

Tức thì trở lại phòng môn,

Cầm tay đánh thức nỉ non bảo chồng:

"Chàng ơi xin tỉnh giấc nồng,

Nay vàng mẹ thiếp cho dùng một chương"

Kể đoạn Cúc Hoa bán vàng,

Bán cho trưởng giả giàu sang hơn người.

Hai bên giả cả hẳn hoi,

Bắc cân định giả được ngoài tám mươi.

Cúc Hoa trở lại thư trai [5]

"Khuyên chàng kinh sử dùi mài cho hay.

Thiếp xin rước một ông thầy,

Để chàng học tập đêm ngày thiếp nuôi".

Một ngày ba bữa chẳng rời,

Nuôi thầy, nuôi mẹ lại nuôi cả chồng.

Nàng thời nhiều ít cũng xong

Đói no chẳng quản miễn chồng làm nên.

Khấn trời lạy Phật đòi phen:

"Chứng minh phù hộ ước nguyền chồng tôi.

Khuyên chàng khuya sớm hôm mai,

Cố chăm việc học đua tài cho hay.

Một mai, có gặp rồng mây [6]

Bảng vàng may được tỏ bày họ tên [7]

Trước là sạch nợ bút nghiên [8]

Sau là thiếp cũng được yên lòng này".

(**Theo bản in của NXB Phổ thông Hà Nội năm 1961**, Bùi Thức Phước sưu tầm & biên soạn, NXB Hội nhà văn, 2012)

Chú thích:

(1) Gạn sẻ: Gạn - chắt lọc và ***sẻ*** - chia sớt, chia nhỏ

(2) Quản: e ngại, ngại ngùng**.** ***Chở quản****:* không e ngại, quan tâm.

(3) Canh lê: canh nấu bằng rau lê; người nghèo thường ăn loại rau này.

(4) Võ vàng: gầy và da không hồng hào vì thiếu máu.

(5) Thư trai: phòng đọc sách, phòng học

(6) Rồng mây: hội rồng mây, cơ hội người đi thi đậu làm nên danh phận cao sang như rồng gặp mây.

(7) Bảng vàng: bảng màu vàng dùng để ghi tên thí sinh thi đỗ.

(8) Nợ bút nghiên: cha mẹ lo cho ăn học, thầy dạy cho chữ nghĩa. Đó là nợ của học trò.

*(**Tóm tắt tác phẩm**: Tống Trân là con cầu tự của một cự phủ ở huyện Phù Hoa, đời vua Thái Tông. Lên ba tuổi thì cha mất, lên tám tuổi thì phải dắt mẹ đi ăn mày. Hôm ấy, Tống Trân dắt mẹ tới nhà của một trưởng giả, con gái của trưởng giả thương tình mang gạo ra cho thì bị cha bắt gặp, bèn bắt nàng lấy Tống Trân làm chồng, và đuổi khéo ra khỏi nhà. Dù vậy, Cúc Hoa vẫn chăm chỉ việc nhà, nàng bán cả vàng mẹ cho để rước thầy về dạy chồng học. Học được nửa năm, vua mở hội thi. Tống Trân tham dự kỳ thi cùng năm nghìn công sĩ. Chàng đậu Trạng nguyên được vua ban áo mão và gả công chúa cùng tuổi cho chàng. Tống Trân lấy nhà nghèo mà từ chối, được vua cho vinh quy bái tổ. Chưa vui sum họp được bao ngày thì Tống Trân phải từ biệt Cúc Hoa về triều nhận chiếu chỉ đi sứ nước Tần dài tới mười năm do vua nghe lời tấu xin của công chúa. Tới nước Tần, nhờ trí thông minh và tài khôn khéo Tống Trận không chỉ thoát được những lần hãm hại mà còn giúp vua Tần xử nhiều vụ án rắc rối. Thế nên từ tâm trạng khinh ghét vua Tần chuyển sang mến phục, phong cho "lưỡng quốc Trạng nguyên" và gả công chúa cho chàng. Một lần nữa Tống Trân viện cớ từ chối. Vua Tần không căm ghét mà lại cho xây nhà ở nội thành giúp vua. Ở quê nhà, Cúc Hoa một lòng một dạ, làm lụng vất vả nuôi mẹ, chờ chồng. Thấy Tống Trân bảy năm chưa về, trưởng giả sai người gọi Cúc Hoa về. Khuyến dụ con gái không được, trưởng giả bèn nhốt và hành hạ nàng. Trưởng giả còn bắt mẹ của Tống Trân xuống ở trong chuồng trâu. Quá đau khổ và quyết thủ tiết chờ chồng, đêm hôm ấy Cúc Hoa trốn khỏi nhà. Đến núi Sơn Vi, nàng định quyên sinh. Thần Sơn Tinh hiểu rõ tình cảnh, hóa thành mãnh hổ, mang thư của nàng qua nước Tần trao tận tay Tống Trân. Nhận được thư, Tống Trân mang vào triều tâu lên vua. Vua Tần cảm động khen ngợi. Và đồng ý cho Tống Trân về nước trước kỳ hạn năm tháng. Tống Trân trả lời thư cho Cúc Hoa và nhờ mãnh hổ mang về.*

Ở nhà, Phú ông đi tìm gặp và đưa Cúc Hoa về rao gả cho đình trưởng. Qua ba năm ở rể của đình trưởng, trưởng giả tổ chức đám cưới linh đình. Cùng lúc ấy Tống Trân trên đường về. Tới đầu làng, biết rõ nguồn cơn, chàng đóng vai người ăn mày vào xin ăn. Chàng len lỏi khắp nhà, tai nghe mắt thấy cảnh Cúc Hoa khóc chồng, thương mẹ chồng, xuống chuồng trâu gặp và nói chuyện cùng mẹ. Tống Trân gặp và biết suy nghĩ, cách đối xử

của tất cả mọi người trong tiệc cưới. Tới ngày đình trường rước dâu, Tống Trận cùng quân sĩ xuất hiện. Chàng xét xử phân minh, mẹ con và vợ chồng đoàn tụ.

Ở nước Tần, công chúa Bạch Hoa xin vua cha cho qua Nam Việt sum họp cùng Tống Trân. Giữa biển khơi đoàn ghe tàu bị giông bão đánh chìm, công chúa trôi dạt vào núi Cô Hồng, được bầy hươu rừng cứu sống, nuôi dưỡng. Tống Trân đi săn hươu gặp và đưa công chúa về nhà, phân chia ngôi thứ, gia đình hạnh phúc.)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đặc điểm của truyện thơ trong văn bản trên là:

A. Có sự việc, cốt truyện, được kể bằng văn vần

B. Có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng văn vần

C. Có sự việc, cốt truyện và được kể bằng ngôi thứ ba

D. Có sự việc, cốt truyện và có lời đối thoại

Câu 2. Các nhân vật được nhắc đến và xuất hiện trong đoạn truyện là:

A. Tống Trân, Cúc Hoa, mẹ Tống Trân (người mẹ chồng)

B. Tống Trân, Cúc Hoa, mẹ Cúc Hoa

C. Tống Trân, Cúc Hoa, trưởng giả

D. Tống Trân, Cúc Hoa, mẹ Tống Trân (người mẹ chồng), mẹ Cúc Hoa, trưởng giả

Câu 3. Đoạn thoại sau là lời của ai nói với ai, về vấn đề gì?

"Chàng ơi xin tỉnh giấc nồng,

Nay vàng mẹ thiếp cho dùng một chương"

A. Tống Trân nói với Cúc Hoa về việc bán vàng để lấy tiền ăn học

B. Cúc Hoa nói với Tống Trân về việc mẹ nàng cho vàng để phòng thân.

C. Cúc Hoa nói với Tống Trân về việc mẹ chồng cho vàng để làm của hồi môn.

D. Tống Trân nói với Cúc Hoa về việc mẹ chồng cho vàng để hai vợ chồng làm ăn.

Câu 4. Hình ảnh mẹ chồng hiện lên qua các câu thơ:

Mẹ chồng thấy dâu thảo hiền

Đôi hàng nước mắt chảy liền như tuôn.

Khó nghèo có mẹ có con,

Ít nhiều gan sẻ vẹn tròn cho nhau

A. Cảm động, yêu thương con dâu

B. Lạnh nhạt, xa cách con dâu

C. Mang ơn con dâu, cảm thấy hổ thẹn

D. Thấu tình đạt lí

Câu 5. Lời thoại "*"Lạy mẹ còn có chút tình thương con"* là kiểu lời thoại nào? Của ai với ai?

A. Lời đối thoại Cúc Hoa với mẹ mình

B. Lời độc thoại Cúc Hoa nói với chính mình

C. Lời đối thoại Cúc Hoa nói với chồng mình

D. Lời đối thoại Cúc Hoa nói với mẹ chồng mình.

Câu 6. Từ ***Gạn sẻ được giải nghĩa trong văn bản là: Gạn -*** chắt lọc và ***sẻ*** - chia sớt, chia nhỏ. Cách giải thích nghĩa của từ là:

A. Phân tích nội dung nghĩa của từ

B. Sử dụng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc trái nghĩa

C. Nêu định nghĩa

D. Phân tích các thành tố cấu tạo

Câu 7. Qua đoạn trích trên, Cúc Hoa hiện lên là người như thế nào?

A. Người vợ hiền, dâu thảo, hết lòng vì chồng và nhà chồng

B. Người con ngoan, vâng lời mẹ cha

C. Người giàu tình yêu thương và trượng nghĩa

D. Người phụ nữ toan tính, cho chồng tiền ăn học cũng vì tương lai của mình

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Cảm nhận của em về nhân vật Cúc Hoa qua đoạn thơ:

Một ngày ba bữa chẳng rời,

Nuôi thầy, nuôi mẹ lại nuôi cả chồng.

Nàng thời nhiều ít cũng xong

Đói no chẳng quản miễn chồng làm nên.

Câu 9. Theo em văn bản trên có những chủ đề nào? Hãy xác định chủ đề chính và ít nhất một chủ đề phụ của văn bản

Câu 10. Đoạn thơ sau cho thấy được số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa:

Chàng ăn cho sống mình chàng,

Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là.

Kể chi phận thiếp đàn bà,

Khó nghèo chớ quản nỗi nhà thảm thương".

Bằng hiểu biết của em và về nội dung của truyện thơ, hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 10 câu trình bày về số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích nhân vật Cúc Hoa qua đoạn truyện thơ trên và cho biết đoạn trích trên thể hiện giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh nào?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	B	0.5
	2	D	0.5
	3	B	0.5
	4	A	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	A	0.5
	8	Nhân vật Cúc Hoa hết lòng vì chồng và gia đình chồng, lo lắng cho mẹ chồng. Mong gia đình có đầy đủ bữa ăn hàng ngày còn bản thân nàng thì như nào cũng không đáng lo vì chỉ mong chồng có thể công thành danh toại, làm nên sự nghiệp	0.5
	9	HS có thể nêu nêu chủ đề chính và phụ, gợi ý như sau:	1.0

		- **Chủ đề chính**: Vẻ đẹp phẩm chất (hiếu thảo, thủy chung) của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa - **Chủ đề phụ**: + Số phận đầy thiệt thòi, vất vả của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa + Tình thương yêu của mẹ chồng đối với nàng dâu trong xã hội đầy ngang trái xưa …	
	10	HS trình bày các lí lẽ và bằng chứng để bàn luận về: Số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa **a. Khái quát vấn đề**: Người thiệt thòi, vất vả, biết hy sinh, chịu đựng nhưng cũng là người đầy hiếu thảo, thủy chung, hết lòng hết dạ vì nhà chồng **b**. **Biểu hiện cụ thể qua hiểu biết và các tác phẩm đã học** - Chấp nhận chịu khổ (nhịn ăn, nhịn uống) để chồng có thể có cơ hội học tập, có tiền đồ sáng lạng - Hy sinh tất cả của cải hay những gì mình có để tạo cơ hội cho chồng học tập đỗ đạt - Họ tự nhận thân phận thiệt thòi, cam chịu những định kiến xã hội và không có quyền tự quyết cuộc đời của mình	1.0
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận *Phân tích và đánh giá:* + Nhân vật Cúc Hoa qua đoạn trích	0.5

		+ Giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh qua đoạn trích	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được về tác phẩm, tiến hành phân tích nhân vật Cúc Hoa và phân tích giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh qua tác phẩm *Sau đây là một hướng gợi ý:* **- Giới thiệu chung về tác phẩm và nhân vật Cúc Hoa** **- Phân tích nhân vật Cúc Hoa** **+ Người con dâu hiếu thảo:** Gia đình khó khăn nhưng nàng vẫn lo lắng cho bữa ăn qua ngày của mẹ chồng hơn chính bản thân *Mẹ chồng thấy dâu thảo hiền* *Đôi hàng nước mắt chảy liền như tuôn.* *Khó nghèo có mẹ có con,* *Ít nhiều gan sẻ [1] vẹn tròn cho nhau* *Lòng con nhường nhịn bấy lâu* *Mẹ ăn cơm ấy ngon đâu hỡi nàng* *Cúc Hoa nước mắt hai hàng:* *"Lạy mẹ cùng chàng chở quản [2] tôi* *Gọi là cơm tấm canh lê [3]* *Mẹ ăn đỡ dạ kẻo khi võ vàng [4]* **+ Người vợ thủy chung, biết hi sinh và lo lăng cho chồng**: Lo lắng cho bữa ăn của chồng, bán vàng để lấy tiền thuê thầy thợ cho chồng ăn học và thi cử đỗ đạt, không quản ngại gian khó và không lo lắng cho chính mình • Lo lắng cho bữa ăn của chồng *Chàng ăn cho sống mình chàng,* *Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là.* *Kể chi phận thiếp đàn bà,*	2.5

Khó nghèo chớ quản nỗi nhà thảm thương".

- Bán vàng để lo tiền ăn học cho chồng

Kể đoạn Cúc Hoa bán vàng,

Bán cho trưởng giả giàu sang hơn người.

Hai bên giả cả hẳn hoi,

Bắc cân định giả được ngoài tám mươi

"Khuyên chàng kinh sử dùi mài cho hay.

Thiếp xin rước một ông thầy,

Để chàng học tập đêm ngày thiếp nuôi".

- Lo lắng nuôi cả gia đình chồng để chồng đỗ đạt

Một ngày ba bữa chẳng rời,

Nuôi thầy, nuôi mẹ lại nuôi cả chồng.

- Khấn trời lạy Phật, khuyên nhủ chồng cố gắng đỗ đạt để yên lòng gia đình

Khấn trời lạy Phật đòi phen:

"Chứng minh phù hộ ước nguyền chồng tôi.

Khuyên chàng khuya sớm hôm mai,

Cố chăm việc học đua tài cho hay.

Một mai, có gặp rồng mây (6)

Bảng vàng may được tỏ bày họ tên (7)

Trước là sạch nợ bút nghiên (8)

Sau là thiếp cũng được yên lòng này".

+ **Người thấu tình đạt lí, cam chịu chấp nhận thiệt thòi:** Nàng chấp nhận thân phận nữ nhi để chồng có cơ hội phát triển và gây dựng sự nghiệp

Chàng ăn cho sống mình chàng,

Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là.

		Kể chi phận thiếp đàn bà, *Khó nghèo chớ quản nỗi nhà thảm thương".* **- Giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh** **+ Mối quan hệ mẹ chồng – nàng dâu không theo lẽ thường** Thông thường là mối quan hệ nhiều mâu thuẫn, nhưng mẹ chồng và nàng dâu hết mực yêu thương, hòa thuận, nàng dâu hiếu thảo khiến mẹ chồng cảm động, sẵn lòng đồng cam cộng khổ không lời oán trách *Mẹ chồng thấy dâu thảo hiền* *Đôi hàng nước mắt chảy liền như tuôn.* *Khó nghèo có mẹ có con,* *Ít nhiều gan sẻ [1] vẹn tròn cho nhau* **+ Số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa**: Họ sẵn sàng hi sinh sự hạnh phúc, đầy đủ ấm no của mình để chồng và gia đình chồng được toàn vẹn, bởi với người phụ nữ đó là trách nhiệm, là lẽ đương nhiên mà bất kì người phụ nữ nào trong xã hội xưa cũng đều phải làm. Tư tưởng trọng nam khinh nữ và những áp lực vô hình đè lên vai người phụ nữ xưa. *Kể chi phận thiếp đàn bà,* *Khó nghèo chớ quản nỗi nhà thảm thương".*	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN THƠ (DÂN GIAN – NÔM BÌNH DÂN – NÔM BÁC HỌC)

ĐỀ LUYỆN SỐ 4

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TÚ UYÊN – GIÁNG KIỀU

(Trích)

Lần trăng ngơ ngẩn ra về,

Đèn thông khêu cạn, giấc hoè [1] chưa nên.

Nỗi nàng canh cánh nào quên,

Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!

Bướm kia vương lấy sầu hoa,

Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!

Có khi gảy khúc đàn tranh,

Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân [2]

Cầu hoàng [3] tay lựa nên vần,

Tương Như lòng ấy, Văn Quân [4] lòng nào!

Có khi chuốc chén rượu đào,

Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao [5] đã đầy.

Hơi men không nhấp mà say,

Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.

Có khi ngồi suốt năm canh,

Mõ quyên [6] điểm nguyệt, chuông kình [7] nện sương.

Lặng nghe những tiếng đoạn trường,

Lửa tình dễ đốt, sông Tương [8] khôn hàn.

Có đêm ngắm bóng trăn tàn,

Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn [9] bay khuya.

Ngổn ngang cảnh nọ tình kia,

Nỗi riêng, riêng biết, dã dề (10) với ai!

Vui xuân chung cảnh một trời,

Sầu xuân riêng nặng một người tương tư

(Bích Câu kì ngộ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015)

Chú thích:

(1) Giấc hoè: ở đây chỉ giấc mơ (dựa theo điển tích Thuần Vu Phần uống rượu say, nằm ngủ dưới gốc cây hoè, rồi mơ thấy mình ở nước Hoà An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển, khi tỉnh dậy thì hoá ra đó là giấc mộng, thấy dưới cành hoè phía nam chỉ có một tổ kiến).

(2) Hoài nhân: nhớ người.

(3) Cầu hoàng: khúc đàn cầu hôn (tìm vợ) của Tư Mã Tương Như (bậc văn tài thời Hán, gảy đàn rất hay).

(4) Văn Quân: Trác Văn Quân là một cô gái đẹp goá chồng, nghe khúc Cầu hoàng của Tương Như, phải lòng đi theo.

(5) Ngọc giao: mời nhau rượu đựng trong chén ngọc để kết giao.

(6) Mõ quyên: mõ khắc hình chim đỗ quyên.

(7) Chuông kình: cái chuông có dài làm thành hình con cá kình (cá voi).

(8) Sông Tương: chỉ nước mắt (Dựa theo điển tích vua Thuấn mất ở Thương Ngô, hai người vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh cùng thương khóc thảm thiết ở trên sông Tương Giang, vì vậy, người ta dùng sông Tương hay mạch Tương, sóng Tương để ví với nước mắt).

(9) Trận nhàn: hàng chim nhạn. Xưa, chim hồng, chim nhạn thường được dùng để nói về tin tức.

(10) Dã dề: chuyện trò niềm nở, thân tình

Tóm tắt tác phẩm: Chuyện kể về một thư sinh ở vào đời Lê Thánh Tôn' tên gọi Trần Tú Uyên. Cha mẹ mất sớm, chàng dựng nhà ở giữa hồ Bích Câu để chuyên tâm đèn sách. Trong một dịp tình cờ, khi đi hội ở chùa Ngọc Hồ, Tú Uyên gặp được một cô gái đẹp như tiên giáng trần, bèn đi theo thì nàng chợt biến mất không rõ tung tích, nên chàng mắc bệnh tương tư. Sau đó, Tú Uyên mua được một bức tranh vẽ hình mĩ nữ hệt như người chàng đã gặp, mang về treo trong nhà. Một thời gian sau, lúc nào từ trường về nhà, Tú Uyên cũng thấy cơm nước sẵn sàng. Chàng rình xem, thấy mĩ nhân trong tranh bước ra, vội chạy vào chào hỏi. Người con gái xưng là tiên nữ Giáng Kiều, nguyện cùng chàng kết nhân duyên. Hai người sống với nhau hạnh phúc được ba năm, song Tú Uyên dần trở nên nghiện rượu. Giáng Kiều khuyên chồng không được, bèn bỏ về tiên giới. Tú Uyên hối hận, sinh ra sầu não, đau ốm, định quyên sinh. Đúng lúc ấy, Giáng Kiều hiện ra, tha lỗi cho chồng, hai vợ chồng nối lại duyên xưa. Từ đó, Tú Uyên nghe lời vợ chuyên tâm tu đạo. Cuối cùng, có đôi chim hạc từ trên mây bay xuống đưa hai vợ chồng về cõi tiên.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Thể thơ của truyện thơ trên là:

A. Thất ngôn xen lục ngôn

B. Song thất lục bát

C. Lục bát

D. Thơ trường thiên bảy chữ

Câu 2. Nhân vật chính được nói đến trong đoạn trích trên là:

A. Nhân vật nữ: Giáng Kiều

B. Nhân vật nam: Tú Uyên

C. Nhân vật nữ và nhân vật nam: Giáng Kiều – Tú Uyên

D. Nhân vật người kể chuyện

Câu 3. Cảm xúc của nhân vật Tú Uyên được thể hiện trong bốn câu thơ dưới đây là gì?

Lần trăng ngơ ngẩn ra về,

Đèn thông khêu cạn, giấc hoè chưa nên.

Nỗi nàng canh cánh nào quên,

Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!

Bướm kia vương lấy sầu hoa,

Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!

A. Tương tư, thương nhớ bất kể ngày đêm, nhớ người đẹp đến mức "ngẩn ngơ" trong lòng.

B. Tương tư, thương nhớ vì biết chắc sẽ không có ngày gặp lại

C. Tương tư, sầu muộn vì không gặp được người đẹp

D. Tương tư, sầu muộn, đau đớn đến nao lòng vì không được gặp lại người đẹp.

Câu 4. Đoạn thơ từ "*Có khi gẩy khúc đàn tranh*" cho đến "*Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương*" sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Biện pháp lặp cấu trúc

B. Biện pháp so sánh

C. Biện pháp nhân hóa

D. Biện pháp điệp từ

Câu 5. Liệt kê những hành động, cử chỉ mà nhân vật Tú Uyên làm để giãi bày nỗi nhớ người đẹp.

A. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, cất lời ca tiếng hát.

B. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm hoa thưởng nguyệt.

C. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn.

D. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, ngâm thơ.

Câu 6. Nội dung chính của đoạn truyện thơ trên là gì?

A. Nỗi buồn của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

B. Nỗi niềm tương tư của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

C. Nỗi sầu của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

D. Nỗi xót xa của nhân vật Tú Uyên khi biết không thể gặp lại người đẹp.

Câu 7. Nhân vật Tú Uyên hiện lên qua đoạn trích là người như thế nào?

A. Chàng trai yêu đương mùa quáng.

B. Chàng trai si tình, có lòng thủy chung.

C. Chàng trai trân trọng cái đẹp và yêu thích cái đẹp.

D. Chàng trai biết yêu bản thân.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Có khi gảy khúc đàn tranh,

Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.

Cầu hoàng tay lựa nên vần,

Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!

Có khi chuốc chén rượu đào,

Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao đã đầy.

Hơi men không nhấp mà say,

Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.

Có khi ngồi suốt năm canh,

Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương.

Lặng nghe những tiếng đoạn trường,

Lửa tình dễ đốt, sông Tương khôn hn.

Có đêm ngắm bóng trăn tàn,

Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn bay khuya.

Câu 9. Chỉ ra những đặc điểm của truyện thơ Nôm trong văn bản.

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) so sánh hai đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong Bích Câu kì ngộ và của Kim Trọng trong Truyện Kiều:

- Lần trăng ngơ ngẩn ra về,

Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.

Nỗi nàng canh cánh nào quên,

Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?

(Bích Câu kì ngộ)

- Chàng Kim từ lại thư song

Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.

Sầu đong càng lắc càng đầy,

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.

(Truyện Kiều)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của văn bản trên và những hiểu biết về truyện thơ Nôm, em hãy viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích, đánh giá về đoạn trích truyện thơ Nôm trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	C	0.5
	2	B	0.5

<table>
<tr><td></td><td>3</td><td>A</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>4</td><td>A</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>5</td><td>C</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>6</td><td>B</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>7</td><td>B</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>8</td><td>Biện pháp lặp cấu trúc “Có khi”

Lặp đi lặp lại 4 lần thể hiện những hành động của Tú Uyên khi không thể không nghĩ về người thiếu nữ đó. Chàng nhớ nàng chỉ nghĩ thôi chưa đủ, phải “gảy nên khúc đàn tranh” mong nàng nghe được tấm chân tình này, giống như cô gái Văn Quân khi nghe được tiếng đàn “Cầu hoàng” của Tương Như nên phải lòng đi theo. Phải mượn men say của “chén rượu đào” để thổ lộ tâm tư thầm kín hay chính là “mượn rượu để tỏ tình”. Tú Uyên mong được uống với nàng chén “ngọc giao” để kết duyên đôi lứa.</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td></td><td>9</td><td>Đặc điểm truyện thơ trong văn bản

- Về yếu tố tự sự: đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.

- Về yếu tố trữ tình: truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, giúp chúng ta đi sâu vào thế giới của những suy tư, nỗi niềm tâm trạng tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên. Việc xuất hiện của thiên trong truyện thơ được gắn chặt với việc thể hiện tâm tình nhân vật.</td><td>1.0</td></tr>
<tr><td></td><td>10</td><td>Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình về vấn đề

<table>
<tr><th></th><th>Tú Uyên</th><th>Kim Trọng</th></tr>
<tr><td>Giống</td><td colspan="2">- Đều là nỗi tương tư, nhớ mong
- Đều thể hiện nỗi nhớ “canh cánh” trong lòng</td></tr>
<tr><td>Khác</td><td>- Ngẩn ngơ nhớ về người đẹp
- Không thể gặp lại khiến Tú Uyên ngày càng nhớ mong</td><td>- Nhớ đến sầu muộn
- Cảm thấy một ngày dài như “ba thu”, mong chờ để được gặp người yêu.</td></tr>
</table></td><td>1.0</td></tr>
<tr><td>II</td><td></td><td>VIẾT</td><td>4.0</td></tr>
</table>

		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Phân tích nội dung và nghệ thuật trong đoạn trích truyện thơ Nôm "Bích Câu kì ngộ"	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và các nét đặc sắc trong bài thơ *- Sau đây là một hướng gợi ý:* *1. Giới thiệu chung về tác phẩm và đoạn trích* - Nội dung chính: Diễn tả tâm tư của Tú Uyên sau khi gặp người đẹp ở hội chùa Ngọc Hồ - Nhan đề Nỗi niềm tương tư: Nói về hành động, cử chỉ của Tú Uyên nhằm thể hiện nỗi tương tư, nhớ nhung Giáng Kiều một cách mòn mỏi, da diết. *2. Phân tích đoạn trích* *Về nội dung: Tâm trạng tương tư của Tú Uyên* - Khi trở về nhà, chàng đem lòng thương nhớ, tương tư bất kể ngày lẫn đêm: *Lần trăng ngơ ngẩn ra về,* *Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.* *Nỗi nàng canh cánh nào quên,* *Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!* *Bướm kia vương lấy sầu hoa,* *Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!* Ta có thể thấy được nét si tình ở chàng Tú Uyên, chỉ vì một giây trông thấy, mà giường như chàng đã cả một đời nhớ thương. Chàng si mê nàng đến nỗi "ngơ ngẩn", đến nỗi đèn thông cháy đã cạn mà chàng vẫn thao thức chưa ngủ được "giấc hòe chưa nên". Chàng nghĩ về người con gái	2.5

xinh đẹp đó phải chăng là tiên nữ, biết bao giờ mới được gặp lại.

- Nỗi nhớ người trong mộng không chỉ được thể hiện ở suy tư của chàng thư sinh mà còn được bộc lộ, thể hiện bằng cử chỉ:

Có khi gảy khúc đàn tranh,

Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.

Cầu hoàng tay lựa nên vần,

Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!

Có khi chuốc chén rượu đào,

Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao đã đầy.

Hơi men không nhấp mà say,

Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.

Có khi ngồi suốt năm canh,

Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương.

Lặng nghe những tiếng đoạn trường,

Lửa tình dễ đốt, sông Tương khôn hn.

Có đêm ngắm bóng trăn tàn,

Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn bay khuya.

+ Từ "có" lặp đi lặp lại 4 lần thể hiện những hành động của Tú Uyên khi không thể không nghĩ về người thiếu nữ đó. Chàng nhớ nàng chỉ nghĩ thôi chưa đủ, phải "gảy nên khúc đàn tranh" mong nàng nghe được tấm chân tình này, giống như cô gái Văn Quân khi nghe được tiếng đàn "Cầu hoàng" của Tương Như nên phải lòng đi theo. Phải mượn men say của "chén rượu đào" để thổ lộ tâm tư thầm kín hay chính là "mượn rượu để tỏ tình". Tú Uyên mong được uống với nàng chén "ngọc giao" để kết duyên đôi lứa.

+ Lúc này chàng say nhưng lại không phải say rượu, cơn say này được ví như "mùi nhớ" hay chính là say ân tình với nàng tiên nữ. Chàng còn phải "ngồi suốt năm canh" để nghe những "tiếng đoạn trường", vì không biết bao giờ mới có thể gặp được người thương nên chàng nhớ mong, đau đớn

		như đứt từng khúc ruột. + Đặc biệt, tác giả dựa vào tuyền thuyết hai người vợ Nga Hoàn và Nữ Anh cùng khóc thảm thiết trên sông Tương Giang khi Vua Thuần mất để dùng từ "sông Tương" ví với nước mắt, nước mắt ở đây là nước mắt của Tú Uyên khi để lạc mất người mình hằng mong nhớ, lạc mất đi cả cuộc đời. Chàng còn ngồi "ngắm bóng trăng tàn", hy vọng về một chút tin tức của nàng. - Nỗi nhớ đó dù đã được bộc lộ nhưng vẫn "ngổn ngang" không ngơi: *Ngổn ngang cảnh nọ tình kia,* *Nỗi riêng, riêng biết, dã đề với ai!* *Vui xuân chung cảnh một trời,* *Sầu xuân riêng nặng một người tương tư* *Về nghệ thuật: Nghệ thuật đặc sắc của truyện thơ Nôm* - Biện pháp nghệ thuật nổi bật trong đoạn trích: điệp cấu trúc "Có khi…". - Sử dụng các điển tích, điển cố mang đậm tính chất truyện nôm bác học - Việc sử dụng liên tiếp cấu trúc đó giúp đoạn trích bộc lộ rõ nét được tâm trạng tương tư, thầm thương, trộm nhớ của Tú Uyên, nỗi nhớ ấy không nguôi, ngày đêm mơ tưởng đến bóng dáng người thiếu nữ ấy.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN THƠ (DÂN GIAN – NÔM BÌNH DÂN – NÔM BÁC HỌC)

ĐỀ LUYỆN SỐ 5

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

LỤC VÂN TIÊN

(Nguyễn Đình Chiểu)

(Trích)

Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy, nhằm làng xông vô.
Kêu rằng: "Bớ đảng hung đồ!
Chớ quen làm thói hồ đồ [1] hại dân."
Phong Lai[2] mặt đỏ phừng phừng:
"Thằng nào dám tới lẫy lừng[3] vào đây.
Trước gây việc dữ tại mầy, [4]
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng."
Vân Tiên tả đột hữu xông[5],
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang. [6]
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong. [7]
Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,
Hỏi: "Ai than khóc ở trong xe này?"
Thưa rằng: "Tôi thiệt người ngay,
Sa cơ nên mới lầm tay hung đồ.
Trong xe chật hẹp khôn phô, [8]
Cúi đầu trăm lạy, cứu cô tôi cùng."
Vân Tiên nghe nói động lòng,
Đáp rằng: "Ta đã trừ dòng lâu la.
Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.
Tiểu thư con gái nhà ai,
Đi đâu nên nỗi mang tai bất kỳ. [9]
Chẳng hay tên họ là chi?
Khuê môn[10] phận gái việc gì đến đây?
Trước sau chưa hãn dạ nầy, [11]

Hai nàng ai tớ, ai thầy nói ra?"
Thưa rằng: "Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con này tì tất [12]tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
Sai quân đem bức thư về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
Làm con đâu dám cãi cha,
Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành!
Chẳng qua là sự bất bình, [13]
Hay vầy[14] cũng chẳng đăng trình [15] làm chi.
Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. [16]
Trước xe quân tử [17] tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa:
Chút tôi[18] liễu yếu đào thơ, [19]
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần. [20]
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền không có, bạc vàng cũng không.
Gẫm câu báo đức thù công, [21]
Lấy chi cho phỉ[22] tấm lòng cùng ngươi."
Vân Tiên nghe nói liền cười:
"Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Này đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?
Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng[23]"

(Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Lục Vân Tiên, trong Nguyễn Đình Chiểu toàn tập, tập 1, NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1980)

Chú thích

(***Tóm tắt tác phẩm***: Lục Vân Tiên quê ở quận Đông Thành, khôi ngô tuấn tú, tài kiêm văn võ. Nghe tin triều đình mở khoa thi, Văn Tiên từ giã thấy xuống núi đua tài. Trên đường về nhà thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành, chàng đã một mình đánh tan bọn cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Cảm ăn đức ấy,

Nguyệt Nga đã tự nguyện gắn bó suốt đời với Vân Tiên và tự tay về một bức hình chàng giữ luôn bên mình. Còn Vân Tiên tiếp tục hành trình, gặp và kết bạn với Hơn Minh, một sĩ tử khác.

Sau khi về thăm cha mẹ, Vân Tiên cùng tiểu đồng lên đường đi thi, ghé thăm Võ Công, người đã hứa gả con gái là Võ Thể Loan cho chàng. Từ đây, Vân Tiên có thêm người bạn đồng hành là Vương Tử Trực, tới kinh đô lại gặp Trịnh Hàm, Bùi Kiệm. Thấy Vân Tiên tài cao, Hàm, Kiệm sinh lòng đố kị ghen ghét. Lúc sắp vào trường thi. Vân Tiên nhận được tin mẹ mất, liên bỏ thị trở về quê chịu tang. Dọc đường về,Vân Tiên đau mắt nặng, rồi bị mù cả hai mất, lại bị Trịnh Hâm lửa đẩy xuống sông. Nhờ giao long dìu đỡ đưa vào bài, Vân Tiên được gia đình ông Ngư cưu mang. Sau đó chàng lại bị cha con Võ Công hàm hại đem bỏ vào hang núi Thương Tông. Được Du thần và ông Tiểu cứu ra, Vân Tiênmay mắn gặp lại Hớn Minh (vì trừng trị cậu công tử con quan ỷ thế làm cần mà Hớn Minh phải bỏ thi sống lẩn lút trong rừng). Hớn Minh đón bạn về nương náu ở nơi am vắng. Khoa thi năm ấy Tử Trực đỗ thủ khoa, trở lại nhà họ Võ hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý muốn gả con gái, bị Tử Trực cự tuyệt và mắng thẳng vào mặt, Võ Công hổ thẹn ốm chết.

Nghe tin Lục Vân Tiên đã chết, Kiều Nguyệt Nga thề sẽ thủ tiết suốt đời. Thái sư đương triều hỏi nàng cho con trai không được, đem lòng thù oán, tâu vua bắt Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua. Thuyền đi tới biên giới, nàng mang theo bức hình Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đưa nàng dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công nhận nàng làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại một hai đòi lấy nàng làm vợ. Nguyệt Nga phải trốn khỏi nhà họ Bùi, vào rừng, nương nhờ một bà lão dệt vải.

Lục Vân Tiên ở với Hớn Minh, được tiên cho thuốc, mất lại sáng, liên trở về nhà thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm cha của Kiều Nguyệt Nga. Đến khoa thi, chẳng đỗ Trạng nguyên và được nhà vua cử đi dẹp giặc Ô Qua. Hôn Minh được tiến cử làm phó tướng. Đánh tan giặc, Vân Tiên một mình lạc trong rừng, đến nhà lão bà hỏi thăm đường và gặp lại Nguyệt Nga. Chàng về triều tàu hết sự tình, kẻ gian ác bị trừng trị, người nhân nghĩa được đền đáp, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga sum vầy hạnh phúc.

Đoạn trích: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga nằm ở phần đầu của truyện)

(1) Hồ đồ: lơ mơ không rõ, thiếu căn cứ rõ ràng. Ở đây chỉ thói làm càn, không chính đáng.

(2) Phong Lai: tên của kẻ cầm đầu bọn cướp.

(3) Lẫy lừng: vang dội, lừng danh, khắp nơi đều biết. Ở đây dùng nghĩa cổ, có nghĩa là dữ dội, hung hăng gây sự.

(4) Mầy: mày (tiếng miền Nam).

(5) Tả đột hữu xông (hữu xung): đánh vào bên trái, xông thẳng bên phải, ý nói thế chủ động tung hoành khi lâm trận.

(6) Triệu Tử phá vòng Đương Dang (Đương Dương): Triệu Vân, tên chữ là Tử Long, một tướng trẻ có tài của Lưu Bị thời Tam quốc. Khi Lưu Bị bị quân Tào đánh đuổi, chạy đến Đương Dương (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), phải bỏ cả vợ con chạy về phía nam. Triệu Vân một mình phá vòng vây của Tào Tháo, bảo vệ A Đẩu, con nhỏ của Lưu Bị.

(7) Thân vong: ý nói chết bỏ mạng (thân: thân xác, vong: mất).

(8) Khôn phô: khó nói, khó mà bày tỏ được hết.

(9) Mang tại bất kì: bất ngờ, thình lình gặp tai nạn.

(10) Khuê môn: cửa phòng của người con gái. Khuê môn phận gái : phận đàn bà con gái ở chốn buồng the, không đi ra ngoài – theo luân lí phong kiến ngày xưa.

(11) Chưa hãn dạ nầy (tiếng miền Nam): lòng này chưa tỏ, chưa biết chắc chắn (hãn: rõ).

(12) Tì tất: đầy tớ gái.

(13) Sự bất bình: việc không bình thường, không may xảy ra ngoài ý muốn của mình, ý nói không ngờ bị bọn cướp bắt.

(14) Hay vầy (tiếng miền Nam): biết như thế này.

(15) Đăng trình: lên đường đi xa.

(16) Ý cả câu: cái trinh tiết, phẩm giá mà người con gái gìn giữ cả một đời bỗng chốc có thể bị phá hỏng.

(17) Quân tử: tiếng người phụ nữ tôn gọi người con trai có tài, có đức thời xưa.

(18) Chút tôi: cái tôi nhỏ bé, một cách nói khiêm tốn để chỉ mình khi xưng hô với người khác.

(19) Liễu yếu đào thơ: nói thể chất của người con gái mềm mại, yếu ớt.

(20) Đã phần: đã là phần của tôi, ý nói giữa đường gặp phải bọn cướp, lâm vào hoàn cảnh xấu.

(21) Báo đức thù công: báo trả ơn đức, đền đáp công lao.

(22) Phỉ: thoả đáng, xứng đáng, thoả lòng.

(23) Kiến nghĩa bất vi: thấy việc nghĩa không làm. Cả hai câu thơ ý nói thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong truyện thơ Nôm trên:

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ hai và ngôi thứ ba

Câu 2. Hai câu thơ "Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang" sử dụng phép tu từ gì?

A. Nói quá

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

Câu 3. Hình ảnh "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" được khắc họa giống với mô-tip nào trong truyện cổ?

A. Một chàng trai tài giỏi, cứu một cô gái thoát khỏi hiểm nguy, họ trả nghĩa nhau và thành vợ chồng

B. Một ông vua mang hạnh phúc đến cho một con người đau khổ.

C. Những con người ăn ở hiền lành, thật thà, phúc đức sẽ được đền đáp xứng đáng.

D. Một anh nông dân nghèo nhờ chăm chỉ đã lấy được vợ đẹp và trở nên giàu có.

Câu 4. Hai câu thơ "Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi" thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

A. Băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.

B. Thán phục trước việc làm nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên.

C. Coi thường việc làm của Lục Vân Tiên.

D. Ngưỡng mộ tài năng của Lục Vân Tiên.

Câu 5. Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người như thế nào?

A. Khuê các, nhút nhát, thuỳ mị, nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung.

B. Khuê các, nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung, tài sắc vẹn toàn.

C. Khuê các, thuỳ mị , nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung.

D. Khuê các, thuỳ mị , nết na và có học thức, và rất nhạy cảm.

Câu 6. Ý nào nói đúng nhất bản chất con người của Lục Vân Tiên trong lời nói và thái độ của chàng với Kiều Nguyệt Nga?

A. Vì nghĩa lớn, không màng danh lợi

B. Từ tâm, nhân hậu

C. Chính trực, hào hiệp

D. Tất cả đều đúng

Câu 7. Ngôn ngữ của Truyện Lục Vân Tiên có đặc điểm gì?

A. Mộc mạc, giản dị.

B. Biến đổi rất linh hoạt.

C. Ngôn ngữ trau chuốt

D. Đậm màu sắc Nam Bộ.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Hãy tìm những từ ngữ miêu tả hành động, lời nói của Lục Vân Tiên? Em có suy nghĩ gì về hành động, lời nói của Lục Vân Tiên lúc này?

Câu 9. Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên nổi bật với những phẩm chất nào?

Câu 10. Khi Kiều Nguyệt Nga định ra đáp lễ trả ơn, Vân Tiên nói gì? Điều đó cho thấy Vân Tiên là người như thế nào? Quan niệm sống của Vân Tiên là gì? Viết đoạn văn khoảng 10 câu chia sẻ về quan niệm sống đó.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Quan niệm về người anh hùng của Lục Vân Tiên cũng như lí tưởng về người anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện qua câu thơ nào? Hãy viết bài văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy bàn về quan niệm người anh hùng được đặt ra trong tác phẩm

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	C	0.5
	2	D	0.5
	3	A	0.5
	4	A	0.5
	5	C	0.5
	6	D	0.5
	7	D	0.5
	8	Những động tác của Vân Tiên đều rất dứt khoát, nhanh nhẹn "tả đột hữu xung", và những hành động anh hùng này được nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu so sánh với hình ảnh người anh hùng Triệu Tử khi phá vòng Đương Dang. Trước sức mạnh của Lục Vân Tiên thì băng cướp bị đánh tan "Lâu la bốn phía vỡ tan", chúng hoảng loạn bỏ lại gươm giáo mà tìm đường thoát thân. Và cầm đầu của băng đản này là Phong Lai thì bị Tiên cho một gậy "thác rày thân vong". Đây là sự trừng phạt thích đáng cho	0.5

		những kẻ lấy việc hại người làm niềm vui, làm mục đích kiếm sống.	
	9	Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên là Hình ảnh một người anh hùng hảo hán, có khí phách, trượng nghĩa, thượng võ, bênh vực kẻ yếu, trừ gian diệt ác cho nhân dân. Lục Vân Tiên không chỉ là một người có học thức mà còn là một người hào hiệp, trượng nghĩa. Đối với Vân Tiên, chàng coi việc nhân nghĩa trên đời là điều tất yếu, nếu làm ơn mà vì được đền đáp, trông ngóng đến việc trả ơn thì đó không còn là người anh hùng.	1.0
	10	Khi Kiều Nguyệt Nga định ra đáp lễ trả ơn, Vân Tiên đã nói "làm ơn há dễ trông người trả ơn" đã từ chối lời yêu cầu của Kiều Nguyệt Nga, và một lí do nữa được chàng đưa ra đó chính là sự khác biệt về thân phận, giới tính. Trong quan niệm phong kiến xưa thì "nam nữ thụ thụ bất thân", vì vậy nên Lục Vân Tiên không muốn cuộc gặp gỡ này ảnh hưởng đến tiết hạnh của Nguyệt Nga. Qua đây ta thấy được Vân Tiên là một con người sống chuẩn mực đối với những lễ nghĩa của phong kiến và là người biết quan tâm đến người khác.	1.0
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích một vấn đề xã hội được gợi dẫn từ văn bản văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Quan niệm về lí tưởng người anh hùng	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm; chỉ ra được vấn đề đặt ra trong tác phẩm, phân tích vấn đề đó *Sau đây là một hướng gợi ý:* **- Giới thiệu về tác giả và tác phẩm:** + Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), tục gọi là Đồ Chiểu, sinh tại quê mẹ & làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) ; quê cha ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông thi đỗ tú tài năm 21 tuổi (1843), 6 năm sau (1849), ông bị mù. Không đầu hàng số phận, ông về Gia Định dạy học và bốc thuốc chữa bệnh cho dân. Khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kì, Nguyễn Đình Chiểu tích cực	2.5

		tham gia phong trào kháng chiến, cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc đánh giặc và sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân. Lúc cả Nam Kì đã rơi vào tay giặc, ông về sống tại Ba Tri (Bến Tre), nêu cao tinh thần bất khuất trước kẻ thù, giữ trọn lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân cho đến lúc mất. + Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc. Ông đã để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm truyền bá đạo lí làm người như Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước như Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Thơ điếu Trương Định… và truyện thơ dài Ngư Tiều y thuật vấn đáp. **- Nêu ý kiến được gợi ra từ tác phẩm:** **Quan niệm về người anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện qua hai câu thơ: "Nhớ câu kiến nghĩa bất vi Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"** Nội dung của câu thơ là: Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là anh hùng. Qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" ta nhận thấy Vân Tiên thấy Nguyệt Nga bị nạn đã khẩn trương mau lẹ đánh tan bọn cướp. Và chàng đã đánh chúng bằng sự quả cảm giải nguy cho Kiều Nguyệt Nga. Đến khi Nguyệt Nga tỏ ý muốn được trả ơn thì chàng lại khẳng khái từ chối, đến một cái lạy của Nguyệt Nga, Vân Tiên cũng không nhận. Rõ ràng Vân Tiên đã xả thân vì nghĩa, không chút so đo tính toán. Từ hành động đó của Vân Tiên, ta hiểu được quan niệm anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu: người anh hùng phải là người có tài trí phi thường để thấy hoạn nạn thì sẵn sàng cứu giúp vô tư đem lại điều tốt đẹp cho mọi người, người anh hùng phải là người hành động vì nghĩa, vì lẽ phải, vì lẽ công bằng. **- Bàn luận về ý kiến/quan niệm được nêu ra trong tác phẩm:** Người anh hùng phải là người có tài trí phi thường để thấy hoạn nạn thì sẵn sàng cứu giúp vô tư đem lại điều tốt đẹp cho mọi người, người anh hùng phải là người hành động vì nghĩa, vì lẽ phải, vì lẽ công bằng. **+ Giải nghĩa: Người anh hùng** **+ Biểu hiện cụ thể của hành động trượng nghĩa** **+ Liên hệ bản thân**	

		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**